

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **89/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 01/8/2024
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tường

Ông L Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Khổng Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: 432/AB1 ấp B, xã A, huyện B, tỉnh B. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990; địa chỉ: 13/2 ấp H, xã A, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Khổng Thị L trình bày:

Chị Khổng Thị L và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh vào ngày 22/02/2012. Sau khi kết hôn chị L và anh K chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống chị L và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Khổng Q, sinh ngày 21/9/2012, hiện cháu Q đang sống với anh K.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, anh K thường xuyên đánh đập chị L; chị L và anh K đã không còn sống chung hơn 10 năm nay. Do đó, chị L nhận thấy hôn nhân của chị L và anh K không thể nào

hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn K, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Khổng Q, sinh ngày 21/9/2012, hiện cháu Q đang sống với anh K. Khi ly hôn, chị L đồng ý để anh K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khổng Q và chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 06/5/2024, chị Khổng Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Bị đơn Nguyễn Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn K vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Khổng Thị L và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

* Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Chị Khổng Thị L và anh Nguyễn Văn K có tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/02/2012. Thời điểm đăng ký kết hôn chị L và anh K đã đủ tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, anh K thường xuyên đánh đập chị L; chị L và anh K đã không còn sống chung hơn 10 năm nay.

Anh K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng cho thấy anh không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với chị L. Đồng thời, tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa Khổng Thị L và Nguyễn Văn K ngày 18/4/2024, thì trưởng ấp A, xã T xác định: “Chị Khổng Thị L và anh Nguyễn Văn

K có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh B. Trong quá trình chung sống chị L và anh K có 01 con chung. Sau khi chị Khổng Thị L sinh con được vài tháng thì chị L bỏ đi đâu thì tôi không rõ đến nay khoảng 10 năm. Anh K và chị L không còn sống chung khoảng 10 năm nay [...]”. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh K là hợp pháp. Chị L không có yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Khổng Q, sinh ngày 21/9/2012, hiện cháu Q đang sống chung với anh K. Khi ly hôn, chị L đồng ý để anh K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khổng Q, sinh ngày 21/9/2012 và chị L không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu Nguyễn Khổng Q đang sống chung với cha là anh K được chăm sóc, nuôi dưỡng, được đi học phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời, tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Khổng Q thì cháu Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha. Vì đây là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp pháp luật nên được công nhận. Lẽ đó, giao con chung cho anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Khổng Thị L:

Về hôn nhân: Chị Khổng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Chị L không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khổng Q, sinh ngày 21/9/2012, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 13/2 ấp A, xã T, huyện T, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Khổng Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh K.

[4] Về hôn nhân: Chị Khổng Thị L và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/02/2012. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh K được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị L xin ly hôn với anh K là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, anh K thường xuyên đánh đập chị L; chị L và anh K đã không còn sống chung hơn 10 năm nay. Tòa án đã tạo điều kiện để chị L và anh K hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh K vắng mặt không có lý do. Đồng thời, tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Khổng Thị L và anh Nguyễn Văn K ngày 18/4/2024, thì trưởng ấp A, xã T xác định: *“Chị Khổng Thị L và anh Nguyễn Văn K có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh B. Trong quá trình chung sống chị L và anh K có 01 con chung. Sau khi chị Khổng Thị L sinh con được vài tháng thì chị L bỏ đi đâu thì tôi không rõ đến nay khoảng 10 năm. Anh K và chị L không còn sống chung khoảng 10 năm nay [...]”*. Nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị L và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ.

[5] Về con chung: Chị Khổng Thị L và anh Nguyễn Văn K trong quá trình sống chung có 01 con chung là Nguyễn Khổng Q, sinh ngày 21/9/2012. Hiện con chung đang sống chung với anh K. Khi ly hôn, chị L đồng ý để anh K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Nguyễn Khổng Q đang sống chung với anh K được chăm sóc, nuôi dưỡng, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời, tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Khổng Q thì cháu Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha.

Đồng thời nhằm bảo đảm được sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần và hạn chế sự xáo trộn về môi trường sống cho con chung Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Khổng Q cho anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do anh K không có yêu cầu.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị L không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Khổng Thị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Khổng Thị L. Chị Khổng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị L không có yêu cầu.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khổng Q, sinh ngày 21/9/2012, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Khổng Thị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Khổng Thị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Khổng Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003740 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Tùng-L Khắc Hiệp

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thanh Hùng-Mai Văn Thắng

Nguyễn Thị Tư

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Nhơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tơ

